

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày: 24-02-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Tuấn;

Ông Huỳnh Văn Nhân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Lê Hồng G**, sinh năm 1979;

2. Bà **Nguyễn Lê Ngọc N**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Số E, tổ C, khu phố H, phường T, TP ., tỉnh Bình Dương** (Nay là số 50, **tổ C, khu phố H, phường T, TP . Hồ Chí Minh**).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Số F V, P.Cái K, TP . Cần Thơ** (Văn bản ủy quyền 13/11/2025).

- Bị đơn: Ông **Đinh Tuấn A**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Số D khu V, phường C, quận Ô, TP . Cần Thơ** (N khu V, phường Ô, TP . Cần Thơ).

Đại diện cho nguyên đơn có mặt;

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025 nguyên đơn trình bày: Do quen biết từ trước, ông **Tuấn A** nhiều lần hỏi vay tiền của nguyên đơn, cụ thể: Ngày 09/4/2024 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền công chứng tại **Văn phòng C**; Ngày 19/4/2024 vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền công chứng tại **Văn phòng C1** và ngày

16/11/2024 vay số tiền 28.000.000 đồng, hai bên lập tờ cam kết trả nợ. Để tạo lòng tin ông **Tuấn A** tự nguyện viết cam kết vay tiền và hứa xử lý công việc cho nguyên đơn. Tuy nhiên đến nay ông **Tuấn A** không thực hiện trả nợ gốc và lãi như cam kết. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Đình Tuấn A** trả cho nguyên đơn tổng số tiền 989.878.000 đồng, trong đó tiền gốc 828.000.000 đồng, tổng tiền lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 161.878.000 đồng (*Gồm tiền lãi khoản vay ngày 09/4/2024 trên số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 17/4/2025, lãi suất 20%/năm là 81.941.000 đồng, tiền lãi khoản vay ngày 19/4/2024 trên số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày 17/4/2025, lãi suất 20%/năm là 79.937.000 đồng*). Buộc ông **Tuấn A** tiếp tục trả lãi phát sinh 20%/năm đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông **Đình Tuấn A** trả cho nguyên đơn tổng số tiền 948.293.333 đồng, tính chung là 948.293.000 đồng, trong đó tiền gốc 800.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng (10%/năm) tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/02/2026) là 148.293.333 đồng, tính chung là 148.293.000 đồng.

(Gồm: Tiền lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 09/4/2024 tính từ ngày 09/4/2024 đến ngày 24/02/2026, lãi suất 0.83%/tháng là $400.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 74.700.000 \text{ đồng}$;

Tiền lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2024 tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày 24/02/2026, lãi suất 0.83%/tháng là $400.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 73.593.333 \text{ đồng}$).

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.000.000 đồng, do tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không cung cấp được bản chính tờ cam kết ngày 16/11/2024 (BL 13) cho Tòa án.

Trong quá trình trả nợ, ông **Tuấn A** chưa trả được khoản nợ gốc và lãi nào cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo

quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn cư trú trên địa bàn phường C, quận Ô, TP . Cần Thơ (Nay là phường Ô, TP .) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn được triệu tập họp lệ phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 179; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 28.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 16/11/2024, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu đương sự đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo hợp đồng vay tiền ngày 09/4/2024 và ngày 19/04/2024 được công chứng giữa ông Lê Hồng G, bà Nguyễn Lê Ngọc N và ông Đinh Tuấn A, xác định: Ngày 09/4/2024 ông Tuấn A có vay của ông G, bà N số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả là 06 tháng kể từ ngày hợp đồng vay được công chứng và ngày 19/4/2024 ông Tuấn A có vay tiếp của ông G, bà N số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả là 09 tháng kể từ ngày hợp đồng vay được công chứng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không được ghi rõ trong hợp đồng vay tiền. Hai hợp đồng vay tiền nêu trên có xác nhận chữ ký, điểm chỉ của hai bên và được công chứng tại văn phòng công chứng nên xác định ông Tuấn A có vay của ông G, bà N số tiền 800.000.000 đồng là đúng sự thật. Hai hợp đồng vay tiền có xác định thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền thì thời hạn trả nợ của ông Tuấn A đã hết: Hợp đồng vay tiền ngày 09/4/2024 thời hạn trả nợ là 06 tháng, ngày hết hạn là ngày 09/10/2024 và hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2024 thời hạn trả nợ là 09 tháng, ngày hết hạn là ngày 19/01/2025. Hết thời hạn trả nợ mà ông Tuấn A không thanh toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông Tuấn A trả tiền gốc và lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 357; Điều 463 và khoản 5 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu: Xét thấy trong hợp đồng vay tiền không ghi rõ lãi suất vay, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

dân sự: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 tức là 10%/năm (0.83%/tháng) và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày vay đến xét xử sơ thẩm với số tiền 148.293.333 đồng theo cách tính của đại diện nguyên đơn nêu trên là phù hợp nên chấp nhận.

Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 948.293.000 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/02/2026) 148.293.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn chịu án phí 40.448.790 đồng (*Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 357; Điều 463; khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Hồng G**, bà **Nguyễn Lệ Ngọc N** đối với bị đơn ông **Đinh Tuấn A**.

Ông **Đinh Tuấn A** có trách nhiệm trả cho ông **Lê Hồng G**, bà **Nguyễn Lệ Ngọc N** tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/02/2026) là 948.293.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/02/2026) là 148.293.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chịu án phí là 40.448.790 đồng (*Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi đồng*), nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.848.170 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bảy mươi đồng*) theo biên lai thu số 0005616 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND KV2-CT;
- Phòng THADS KV2-CT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Hương